SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH GIA LAI
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: 32 /BC-TTBVTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 27 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng
(Từ ngày 19 tháng 02 đến ngày 25 tháng 02 năm 2026)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Nhiệt độ trung bình: 22 - 24^{0}C Cao nhất: 28 - 31^{0}C Thấp nhất: 15 - 18^{0}C

Độ ẩm trung bình: 80 - 83% Cao nhất: 87 - 90% Thấp nhất: 65 - 70%

Tổng lượng mưa: 5 mm

Tổng số giờ nắng: 42 giờ

Nhận xét: Tuần qua, khu vực tỉnh Gia Lai ngày nắng nhẹ, đêm có lúc có mưa rào rải rác vài nơi. Gió Đông Bắc cấp 2 - 3.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

TT	Cây trồng/vụ	Giai đoạn sinh trưởng	DT gieo trồng (ha)	DT thu hoạch (ha)
I	**Cây lương thực**		**77.587**	
1	Cây lúa (Đông Xuân)	Đẻ nhánh - Làm đòng - Trỗ	72.852	
2	Cây ngô (vụ Đông Xuân)	5 lá - xoáy nõn	4.735	
II	**Cây tinh bột có củ**		**14.097**	
1	Cây sắn (vụ Đông Xuân)	Cây con	12.013	
2	Cây khoai lang (vụ Đông Xuân)	Cây con	2.084	
III	**Cây thực phẩm**		**18.228**	
1	Rau các loại (vụ Đông Xuân)	Nhiều giai đoạn	14.185	
2	Đậu các loại (vụ Đông Xuân)	Cây con - Ra hoa	4.043	
IV	**Cây công nghiệp ngắn ngày**		**55.711**	**258**
1	Cây mía (cả năm)	Chín - Thu hoạch	47.729	258
2	Cây lạc (vụ Đông Xuân)	Phân cành - Ra hoa	7.982	
V	**Cây hàng năm khác (vụ Đông Xuân)**	**Cây con**	**1.950**	

VI	**Cây công nghiệp dài ngày**		**253.460**	
1	Cây cà phê	Ra hoa	107.945	
2	Cây cao su	Ra lá tập trung	85.917	
3	Cây điều	Ra hoa - Quả già	41.232	
4	Cây dừa	Các giai đoạn	9.447	
5	Cây tiêu	Nuôi trái - Vào chắc	8.601	
6	Cây chè	Các giai đoạn	318	
VII	**Cây ăn quả**		**34.816**	
1	Cây sầu riêng	Chăm sóc - Ra hoa	8.131	
2	Cây chanh dây	Các giai đoạn	6.221	
3	Cây chuối	Các giai đoạn	7.276	
4	Các loại cây ăn quả khác	Các giai đoạn	14.743	

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai: Trong kỳ, không có diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai.

II. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	**Cây lúa**					
1	Chuột	5	10	15	Nhiều lứa tuổi	Ân Tường, Hoài Ân, Vạn Đức, Ân Hảo, Kim Sơn, Tây Sơn, Bình Phú, Bình Hiệp, Bình An, Vĩnh Thịnh, Ia Grai, Ia Krai, Ia Chía, Ia O, Ia Hrung,…
2	Bệnh đạo ôn lá	5	10	-	C1-3	Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, Tam Quan, Phù Cát, Hòa Hội, Phù Mỹ Nam, Xuân An, An Nhơn Tây, An Nhơn Nam, Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Ya Hội, Ia Ly, Chư Păh, Ia Phí, Ia Pa, Ia Tul,…

3	Rầy nâu, rầy lưng trắng	500	1.000	3.000	T2-3, trứng	Cát Tiến, Đề Gi, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn, Tuy Phước Đông, An Nhơn Bắc,…
II	**Cây rau**					
1	Sâu xanh	5	10	-	Nhiều lứa tuổi	Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Hội Phú, Biển Hồ, …
2	Sâu tơ	10	20	-	Nhiều lứa tuổi	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất,…
3	Bệnh thối nhũn	5	10	-	C1-3	An Phú, Hội Phú, Diên Hồng, Biển Hồ,…
4	Bệnh thán thư	6	10	-	C1-3	An Khê, An Bình, Kông Chro, Phú Thiện, Ia Tul,…
5	Bệnh sương mai	5	10	-	C1-3	An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku,…
III	**Cây cà phê**					
1	Mọt đục cành	12,5	25	-	C1	Kon Gang, Đak Sơmei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh,…
2	Bệnh gỉ sắt	15	30	-	C3-5	Ia Hrung, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Sơmei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái, Ia Grai, Ia Phí,…
3	Bệnh nấm hồng	12,5	25	33	C1-2	Rải rác trên DT trồng cà phê của tỉnh
4	Bệnh khô cành	12,5	25	30	C1-2	Ia Hrung, Kon Gang, Lơ Pang, Hra, Ia Băng, Ia Krái, Chư Păh, Ia Phí, Ia Ly, …
IV	**Cây hồ tiêu**					
1	Tuyến trùng	5	10	15	C1-2	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra,...
2	Bệnh chết chậm	5	10	15	C1-2	Mang Yang, Kon Gang, Đak Sơmei, Lơ Pang, Hra, …
3	Bệnh đốm đen lá	5	10	-	C1-3	Kon Gang, Ia Băng, Mang Yang, Lơ Pang,…
V	**Cây điều**					
1	Sâu đục thân, cành	5	10	15	C1	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dơk, Ia

						O,…
2	Bọ xít muỗi	5	10	15	C1-2	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O,…
3	Bệnh thán thư	5	10	-	C1-3	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dơk, Ia Krái,…
VI	**Cây sầu riêng**					
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	5	10	-	C1-3	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl,…
2	Bệnh thối rễ	2,5	5	10	C1-2	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl,…
VII	**Cây chanh dây**					
1	Bệnh virus hại lá, quả	5	10	-	C1-3	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...
2	Bệnh đốm nâu	7,5	15	-	C1-2	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...

2. Diện tích nhiễm SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	**Cây lúa**							
1	Chuột	66	7	0	0	73	37	Ân Tường, Hoài Ân, Vạn Đức, Ân Hảo, Kim Sơn, Tây Sơn, Bình Phú, Bình Hiệp, Bình An, Vĩnh Thịnh, Ia Grai, Ia Krai, Ia Chía, Ia O, Ia Hrung,…
2	Bệnh đạo ôn lá	30	4	0	0	34	34	Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, Tam Quan, Phù Cát, Hòa Hội, Phù Mỹ Nam, Xuân An, An Nhơn Tây, An Nhơn Nam, Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Ya Hội, Ia Ly, Chư Păh, Ia Phí, Ia Pa, Ia Tul,…

3	Rầy nâu, rầy lưng trắng	2	0,7	0,3	0	3	2	Cát Tiến, Đề Gi, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn, Tuy Phước Đông, An Nhơn Bắc,…
II	**Cây rau**							
1	Sâu xanh	61,5	0	0	0	61,5	24	Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Hội Phú, Biển Hồ, …
2	Sâu tơ	32,5	0	0	0	32,5	15	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất,…
3	Bệnh thối nhũn	11,5	0	0	0	11,5	2	An Phú, Hội Phú, Diên Hồng, Biển Hồ,…
4	Bệnh thán thư	43,5	0	0	0	43,5	30	An Khê, An Bình, Kông Chro, Phú Thiện, Ia Tul,…
5	Bệnh sương mai	26,5	0	0	0	26,5	12	An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku,…
III	**Cây cà phê**							
1	Mọt đục cành	320	0	0	0	320	165	Kon Gang, Đak Somei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh,…
2	Bệnh gỉ sắt	717	0	0	0	717	380	Ia Hrung, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái, Ia Grai, Ia Phí,…
3	Bệnh nấm hồng	328	45	0	0	373	300	Rải rác trên DT trồng cà phê của tỉnh
4	Bệnh khô cành	529	25	0	0	554	300	Ia Hrung, Kon Gang, Lơ Pang, Hra, Ia Băng, Ia Krái, Chư Păh, Ia Phí, Ia Ly, …
IV	**Cây hồ tiêu**							
1	Tuyến trùng	393	32,5	0	0	425,5	292	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak

								Đoa, Hra,...
2	Bệnh chết chậm	320	26,5	0	0	346,5	232	Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra, …
3	Bệnh đốm đen lá	83	0	0	0	83	26	Kon Gang, Ia Băng, Mang Yang, Lo Pang,…
V	**Cây điều**							
1	Sâu đục thân, cành	463	80	0	0	543	344	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dơk, Ia O,…
2	Bọ xít muỗi	171	15,5	0	0	186,5	59	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O,…
3	Bệnh thán thư	365	0	0	0	365	260	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dơk, Ia Krái,…
VI	**Cây sầu riêng**							
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	165	0	0	0	165	150	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl,…
2	Bệnh thối rễ	67	12	0	0	79	70	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl,…
VII	**Cây chanh dây**							
1	Bệnh virus hại lá, quả	47	0	0	0	47	40	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...
2	Bệnh đốm nâu	51	0	0	0	51	42	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...

*** Thống kê diện tích nhiễm trong các đợt dịch:** Trong tuần, không có dịch.

3. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

3.1. Trên cây lúa

- Chuột gây hại cục bộ lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng (TL 5 - 10%, cục bộ 15%), diện tích bị hại 73 ha (nhẹ), giảm 61,5 ha so với kỳ trước, tập trung ở các xã, phường: Ân Tường, Hoài Ân, Vạn Đức, Ân Hảo, Kim Sơn, Tây Sơn, Bình Phú, Bình Hiệp, Bình An, Vĩnh Thịnh, Ia Grai, Ia Krai, Ia Chía, Ia O, Ia Hrung,…

- Bệnh đạo ôn lá phát sinh gây hại rải rác trên lúa giai đoạn cuối đẻ nhánh - đứng cái. Tỷ lệ bệnh cục bộ 5 - 10%, DTN 22 ha, giảm 0,5 ha so với kỳ trước, chủ yếu ở các xã, phường: Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, Tam Quan, Phù Cát, Hòa Hội, Phù Mỹ Nam, Xuân An, An Nhơn Tây, An Nhơn Nam, Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Ya Hội, Ia Ly, Chư Păh, Ia Phí, Ia Pa, Ia Tul,…

- Rầy nâu, rầy lưng trắng: Phát sinh gây hại cục bộ lúa giai đoạn đòng - trỗ, mật độ 500 - 1.000 con/m^2, cục bộ ổ rầy 3.000 con/m^2, DTN 3 ha ở các xã, phường Cát Tiến, Đề Gi, Tuy Phước Đông, An Nhơn Bắc. Phát dục rầy tập trung tuổi 2 - 3.

Ngoài ra, sâu cuốn lá, bệnh vàng lá sinh lý,… phát sinh gây hại rải rác và cục bộ lúa trà muộn giai đoạn đẻ nhánh ở các xã: Ia Pa, Phú Thiện, Pờ Tó, Phú Thiện, Ia Tul,…

3.2. Trên cây rau

- Sâu xanh gây hại 61,5 ha (mật độ cục bộ 5 - 10 con/m^2), tăng 1,5 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã, phường: Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Hội Phú, Biển Hồ, …

- Sâu tơ gây hại rau họ hoa thập tự, mật độ cục bộ 10 con/m^2, cao 20 con/m^2, DTN 32,5 ha (nhẹ), tăng nhẹ so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã, phường: An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất,…

- Bệnh thối nhũn gây hại 11,5 ha (TL 5 - 10%), giảm 0,5 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã, phường: An Phú, Hội Phú, Diên Hồng, Biển Hồ,…

- Bệnh thán thư phát sinh gây hại 43,5 ha tỷ lệ (TL 6 - 10%), giảm 4 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: An Khê, An Bình, Kông Chro, Phú Thiện, Ia Tul,…

- Bệnh sương mai phát sinh gây hại 26,5 ha tỷ lệ (TL 5 - 10%), giảm 8 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã, phường: An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku,…

Ngoài ra, ruồi đục lá, héo xanh vi khuẩn, bệnh đốm lá phát sinh gây hại cục bộ.

3.3. Trên cây cà phê

- Mọt đục cành gây hại 320 ha (TL cục bộ 12,5 - 25%), giảm 35 ha so với kỳ trước, cà phê giai đoạn ra hoa ở các xã: Kon Gang, Đak Somei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh,…

- Bệnh gỉ sắt gây hại 717 ha (TL cục bộ 15 - 30%), tương đương so với kỳ trước, ở các xã: Ia Hrung, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Somei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái, Ia Grai, Ia Phí,…

- Bệnh nấm hồng gây hại 373 ha (TL cục bộ 12,5 - 33), tương đương so với kỳ trước, ở khu vực phía Tây tỉnh.

- Bệnh khô cành gây hại 554 ha (TL 12,5 - 25%, cục bộ 30%), giảm 23 ha so với kỳ trước, ở các xã: Ia Hrung, Kon Gang, Lơ Pang, Hra, Ia Băng, Ia Krái, Chư Păh, Ia Phí, Ia Ly, …

3.4. Trên cây hồ tiêu

- Tuyến trùng gây hại 425,5 ha (TL 5 - 10%, cục bộ 15%), giảm 6,5 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra,...

- Bệnh vàng lá chết chậm gây hại 346,5 ha (TLB 5 - 10%, cục bộ 15%), giảm 5 ha so với kỳ trước, phân bố trên địa bàn các xã: Mang Yang, Kon Gang, Đak Somei, Lơ Pang, Hra, …

Ngoài ra, bệnh đốm đen lá, thán thư gây hại rải rác trên tiêu giai đoạn quả non - chắc

hạt ở xã: Mang Yang, Kon Gang, Ia Băng, Lơ Pang, Hra,…

3.5. Trên cây điều

- Sâu đục thân, cành (TL phổ biến 5 - 10%, cục bộ 15%), DTN 543 ha (nhiễm nhẹ 463 ha, trung bình 80 ha), phân bố trên địa bàn các xã: Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dơk, Ia O,…

- Bọ xít muỗi hại lá (TL phổ biến 5 - 10%, cục bộ 15%), DTN 186,5 ha (nhiễm nhẹ 171 ha, trung bình 15,5 ha), phân bố trên địa bàn các xã: Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O,…

- Bệnh thán thư tỷ lệ bệnh phổ biến 5 - 10%, DTN 365 ha (nhiễm nhẹ), phân bố trên địa bàn các xã: Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dơk, Ia Krái,…

3.8. Trên cây ăn quả

- Cây sầu riêng: Bệnh cháy lá chết ngọn gây hại 165 ha (nhẹ), bệnh thối rễ, thán thư lá,… gây hại cục bộ trên địa bàn các xã: Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl,…

- Cây chanh dây: Bệnh virus, đốm nâu gây hại trái cục bộ trên diện tích cũ ở xã Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- Trên cây lúa: Chuột tiếp tục gây hại cục bộ lúa giai đoạn đứng cái - làm đòng, nhất là ở các ruộng ven làng, gần gò đồi, kênh mương,…; bệnh đạo ôn lá, cổ lá phát sinh gây hại cục bộ lúa giai đoạn đứng cái - làm đòng; bệnh đạo ôn cổ bông phát sinh cục bộ trên lúa trà sớm giai đoạn trỗ - ngậm sữa chủ yếu ở các xã phía Đông tỉnh; rầy nâu, rầy lưng trắng tiếp tục chuyển tuổi gây hại cục bộ lúa chân cao sạ cưỡng và chân 3 vụ giai đoạn trỗ - ngậm sữa.

- Trên cây rau: Sâu xanh, sâu tơ, bệnh thối nhũn, thán thư, sương mai,... tiếp tục gây hại cục bộ trên các loại rau ở Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Hội Phú,…

- Trên cây cà phê: Mọt đục cành, bệnh gỉ sắt, bệnh khô cành tiếp tục phát sinh gây hại trong kỳ tới.

- Trên cây hồ tiêu: Tuyến trùng, rệp sáp, bệnh vàng lá chết chậm gây hại cục bộ.

- Trên cây ăn quả: Bệnh thối rễ, cháy lá chết ngọn gây hại sầu riêng; bệnh virus hại lá, quả, bệnh đốm nâu chanh dây; bệnh thán thư phát sinh gây hại cục bộ xoài giai đoạn ra hoa - đậu trái.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác phòng trừ các loại sâu, bệnh hại cây trồng trên địa bàn tỉnh, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đề nghị UBND các xã, phường chỉ đạo các Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công, bố trí công chức bám sát đồng ruộng, tăng cường công tác điều tra, phát hiện dự tính, dự báo; tổ chức đoàn thể tuyên truyền, hướng dẫn phòng chống sinh vật hại trên một số loại cây trồng như sau:

2.1. Trên cây lúa

- Khuyến cáo người dân áp dụng chương trình IPM, ICM ngay từ đầu vụ. Chỉ phun thuốc khi mật độ sâu, tỷ lệ bệnh vượt quá ngưỡng gây hại.

- Đối với chuột: Triển khai diệt chuột đầu vụ Đông Xuân 2025 -2026 bằng nhiều biện pháp: Dùng bẫy (bẫy kẹp, bẫy lồng, bẫy bán nguyệt,…), sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất Bromadiolone, Flocoumafen, Coumatetralyl, Warfarin,…trộn với mồi (lúa mầm, cám thực phẩm, tôm, cua, cá ...) để làm bả diệt chuột. Đặt bả ở bờ ruộng nơi gần hang hoặc gần đường đi của chuột, bờ mương, bờ ruộng, ...

- Đối với sâu cuốn lá nhỏ: Sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất như: Alpha-cypermethrin, Emamectin benzoate,… để phun (theo liều lượng hướng dẫn trên bao bì của từng loại thuốc).

- Đối với bệnh đạo ôn lá, cổ lá:

+ Biện pháp phòng: Bón phân cân đối đạm - lân - kali, không bón thừa đạm; khi phát hiện bệnh phải dừng ngay việc bón phân, không sử dụng phân bón lá và chất kích thích sinh trưởng.

+ Biện pháp trừ: Sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất: Tricyclazole, fenoxanil để phun khi tỷ lệ bệnh <5%. Tỷ lệ bệnh ≥5%: dùng một trong các loại thuốc có hoạt chất để phun: Isoprothiolane, Fenoxanil 50g/l + Isoprothiolane 300g/l,… Lượng nước thuốc phun 24 - 32 lít nước/sào (500 m^2) .

Sau khi phun thuốc, bệnh ngừng phát triển thì tiến hành chăm sóc, bón phân để lúa phục hồi.

Lưu ý: Đối với những ruộng đã bị bệnh đạo ôn lá, để phòng trừ bệnh đạo ôn cổ bông, nên phun thuốc 2 lần: lần 1 khi lúa trỗ lác đác và phun lại lần 2 khi lúa trỗ đều.

- Đối với rầy nâu, rầy lưng trắng:

+ Khi phát hiện rầy có mật độ từ 1.000 - 5.000 con/m^2 thì dùng một trong các loại thuốc trừ rầy sau để phun: Thuốc Chess 50 WG (hoạt chất Pymetrozine), liều lượng 3 gói (7,5 gam/gói) thuốc pha 24 lít nước phun 1 sào (500 m^2); Thuốc Acnipyram 50WP (hoạt chất Nytenpiram), liều lượng 21 gam thuốc pha 24 lít nước phun 1 sào.

+ Đối với ruộng có mật độ rầy cao trên 5.000 con/m^2 , sử dụng 100 ml Bassa 50 EC (hoạt chất Fenobucarb) hỗ hợp với 20 gam Titan 650WG (hoạt chất Nytenpiram + Pymetrozine) pha 32 lít nước phun cho 1 sào hoặc thuốc Acnipyram 50WP liều lượng 28 gam thuốc pha 32 lít nước phun 1 sào.

2.2. Trên cây rau các loại

- Tiếp tục ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất rau hữu cơ.

- Sử dụng chế phẩm sinh học: *Bacillus thuringiensis* (Bt), nấm trắng *(Beauveria bassiana)* để diệt trừ sâu xanh, sâu tơ; trường hợp mật độ sâu xanh >10 con/m^2, sâu tơ >20 con/m^2 sử dụng hoạt chất: Abamectin, Emamectin benzoate,… để phun.

- Đối với bệnh thối nhũn (do vi khuẩn): Phun một trong loại thuốc có hoạt chất: Ningnanmycin, Kasugamycin, Streptomyces lydicus, Bacillus subtilis,…

- Đối với bệnh lở cổ rễ: Phun một trong loại thuốc có hoạt chất: Polyoxin B, Propineb,… ngay khi bệnh mới phát sinh.

** Lưu ý: Ngưng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch nhằm đảm bảo thời gian cách ly, tồn dư thuốc BVTV ảnh hưởng sức khỏe cho người tiêu dùng.*

2.3. Trên cây cà phê

- Đối với cà phê kinh doanh: Tưới nước đủ ẩm để cây ra hoa đồng loạt.

- Đối với những diện tích đất chuẩn bị trồng tái canh cần cày sâu, phơi ải đất, thiết kế lô, đào hố, chuẩn bị cây giống khỏe, rõ nguồn gốc để trồng mới.

Tiến hành phun trừ bệnh gỉ sắt bằng các loại hoạt chất Hecxaconazole, Propiconazole, Mancozeb (min 85%),… nhằm tránh lây lan ra diện rộng làm ảnh hưởng đến sự sinh trưởng cũng như ra hoa, đậu quả của cây (không phun thuốc khi hoa nở rộ).

2.4. Trên cây điều

Cắt tỉa cành khô, sâu bệnh, cành vô hiệu để cây thông thoáng, tập trung dinh dưỡng, giúp ánh sáng vào tán cây.

Phun thuốc có hoạt chất Permethrin, Cypermethrin, Dimethoate, hoặc sinh học (Nấm xanh/trắng) để phòng trừ bọ xít muỗi; sử dụng hoạt chất Abamectin 50 g/l + Matrine 5 g/l để phòng trừ sâu đục thân.

2.5. Trên cây hồ tiêu

- Vệ sinh vườn cây bằng cách: Thu gom và tiêu hủy tàn dư thực vật như lá rụng, cành gãy để tránh lây lan nấm bệnh.

- Làm cỏ dại để giảm cạnh tranh dinh dưỡng và hạn chế nơi trú ẩn của sâu hại, mầm bệnh và tạo độ thông thoáng giúp cho cây trao đổi chất được tốt hơn.

Chú ý theo dõi và phòng trừ kịp thời các đối tượng sâu, bệnh như tuyến trùng hại rễ, bệnh vàng lá chết nhanh, chết chậm.

- Đối với tuyến trùng hại rễ, sử dụng thuốc hóa học có hoạt chất *Clinoptilolite* để phòng trừ.

- Đối với bệnh chết nhanh, chết chậm sử dụng một trong các loại thuốc có hoạt chất Azoxystrobin 282g/l + Metalaxyl-M 108g/l, Bronopol (min 99%) để phòng trừ.

2.6. Trên các loại cây ăn quả

Hướng dẫn người dân áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất theo chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic, Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), sử dụng phân bón hữu cơ, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học,… giúp bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Trên cây chanh dây:

+ Nhóm bệnh virus và côn trùng môi giới *(rệp muội, bọ phấn, bọ trĩ):* Sử dụng treo bẫy dính vàng để dự tính, dự báo sớm sự xuất hiện của các môi giới truyền virus; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có chứa các hoạt chất Spirotetramat, Abamectin, Azadirachtin,… để

phòng trừ.

+ Nhóm bệnh hại do nấm *(bệnh đốm nâu, đốm vòng, thối thân, thối quả, bệnh thối gốc - phình thân, bệnh thán thư)*: Phòng trừ khi bệnh mới chớm xuất hiện bằng các loại hoạt chất như: Tebuconazole, Mancozeb, Azoxystrobin,… khuyến cáo người dân luân phiên thuốc để tránh hiện tượng kháng thuốc.

- Trên cây sầu riêng:

+ Sử dụng phân bón lá: phun phân có hàm lượng lân và kali cao như MKP, KNO3, hoặc 10-60-10 theo liều khuyến cáo trên bao bì để lá sớm thành thục, giúp quá trình tạo mầm hoa đạt hiệu quả**.**

+ Rải vôi xung quanh tán cây, tăng cường sử dụng phân hữu cơ hoai mục kết hợp nấm đối kháng *Trichoderma* đồng thời sử dụng các loại thuốc có chứa hoạt chất Mancozeb, Fosetyl-aluminium, Phosphorous để phòng trừ bệnh thối rễ.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Cục TT và BVTV (b/c);
- Trung tâm TT và BVTV Miền Trung (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Các Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công;
- Trang Thông tin điện tử Chi cục;
- Lưu: VT, BVTV.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH GIA LAI
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Kiều Văn Cang

Phụ lục

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 32 /BC-TTBVTV ngày 27 /02/2026 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai)

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	**Cây lúa**									
1	Chuột	66	7	0	0	73	-61,5		37	Ân Tường, Hoài Ân, Vạn Đức, Ân Hảo, Kim Sơn, Tây Sơn, Bình Phú, Bình Hiệp, Bình An, Vĩnh Thịnh, Ia Grai, Ia Krai, Ia Chía, Ia O, Ia Hrung,…
2	Bệnh đạo ôn lá	30	4	0	0	34	11,5		34	Hoài Nhơn Bắc, Hoài Nhơn Tây, Tam Quan, Phù Cát, Hòa Hội, Phù Mỹ Nam, Xuân An, An Nhơn Tây, An Nhơn Nam, Tây Sơn, Bình Phú, Bình An, Bình Hiệp, Ya Hội, Ia Ly, Chư Păh, Ia Phí, Ia Pa, Ia Tul,…
3	Rầy nâu, rầy lưng trắng	2	0,7	0,3	0	3	3		2	Cát Tiến, Đề Gi, Hoài Nhơn Bắc, Tam Quan, Hoài Nhơn Tây, Hoài Nhơn, Tuy Phước Đông, An Nhơn Bắc,…
II	**Cây rau**									
1	Sâu xanh	61,5	0	0	0	61,5	1,5		24	Phú Thiện, An Bình, An Khê, An Phú, Hội Phú, Biển Hồ, …
2	Sâu tơ	32,5	0	0	0	32,5	5		15	An Phú, Biển Hồ, Gào, Diên Hồng, Pleiku, Thống Nhất,…

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
3	Bệnh thối nhũn	11,5	0	0	0	11,5	-0,5		2	An Phú, Hội Phú, Diên Hồng, Biển Hồ,…
4	Bệnh thán thư	43,5	0	0	0	43,5	-4		30	An Khê, An Bình, Kông Chro, Phú Thiện, Ia Tul,…
5	Bệnh sương mai	26,5	0	0	0	26,5	-8		12	An Phú, Biển Hồ, Thống Nhất, Diên Hồng, Gào, Hội Phú, Pleiku,…
III	**Cây cà phê**									
1	Mọt đục cành	320	0	0	0	320	-35		165	Kon Gang, Đak Sơmei, Hra, Ayun, Kon Chiêng, Mang Yang, Ia Phí, Ia Ly, Chư Păh,…
2	Bệnh gỉ sắt	717	0	0	0	717	3		380	Ia Hrung, Ia Băng, Đak Đoa, Đak Sơmei, Mang Yang, Ia Grai, Ia Krái, Ia Grai, Ia Phí,…
3	Bệnh nấm hồng	328	45	0	0	373	3		300	Rải rác trên DT trồng cà phê của tỉnh
4	Bệnh khô cành	529	25	0	0	554	-23		300	Ia Hrung, Kon Gang, Lơ Pang, Hra, Ia Băng, Ia Krái, Chư Păh, Ia Phí, Ia Ly, …
IV	**Cây hồ tiêu**									
1	Tuyến trùng	393	32,5	0	0	425,5	-6,5		292	Mang Yang, Kon Gang, Lơ Pang, Ia Băng, Đak Đoa, Hra,...
2	Bệnh chết chậm	320	26,5	0	0	346,5	-5		232	Mang Yang, Kon Gang, Đak Sơmei, Lơ Pang, Hra, …
3	Bệnh đốm đen lá	83	0	0	0	83	4		26	Kon Gang, Ia Băng, Mang Yang, Lơ Pang,…

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
V	**Cây điều**									
1	Sâu đục thân, cành	463	80	0	0	543	7,5		344	Ia Nan, Ia Puch, Ia Dom, Ia Mơ, Ia Krái, Ia Chía, Ia Dơk, Ia O,…
2	Bọ xít muỗi	171	15,5	0	0	186,5	0		59	Ia Krái, Ia Chía, Ia Grai, Ia O,…
3	Bệnh thán thư	365	0	0	0	365	-1		260	Ia Puch, Ia Dom, Ia Nan, Ia O, Ia Dơk, Ia Krái,…
VI	**Cây sầu riêng**									
1	Bệnh cháy lá, chết đọt	165	0	0	0	165	0		150	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl,…
2	Bệnh thối rễ	67	12	0	0	79	0		70	Chư Prông, Ia Tôr, Đức Cơ, Ia Krêl,…
VII	**Cây chanh dây**									
1	Bệnh virus hại lá, quả	47	0	0	0	47	-3		40	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...
2	Bệnh đốm nâu	51	0	0	0	51	-4		42	Chư Prông, Ia Tôr, Ia Boòng, Bàu Cạn,...